

BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: USD/EUR

Chương trình	Nội dung quyền lợi	Giới hạn trách nhiệm				
		A 20,000	B 30,000	C 50,000	D 70,000	E 100,000
1. Chi phí Y tế	Giới hạn chính áp dụng đối với các chi phí điều trị nội trú, phẫu thuật, xe cứu thương và nhân viên y tế đi kèm, xét nghiệm,... Đây là giới hạn cho tất cả các chi phí phát sinh theo phần này	20,000	30,000	50,000	70,000	100,000
<i>Giới hạn phụ</i>	Chi phí điều trị ngoại trú: tiền khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sỹ, chụp x-quang hoặc các xét nghiệm để thực hiện việc chẩn đoán.	1,000	1,500	2,500	3,500	5,000
2. Hỗ trợ cấp cứu						
2.1 Dịch vụ hỗ trợ du lịch	<ol style="list-style-type: none"> Thông tin trước chuyến đi Thông tin về đại sứ quán Những vấn đề dịch thuật Những vấn đề về pháp luật Thông tin về người cung cấp dịch vụ y tế Hỗ trợ tin nhắn thân nhân khẩn cấp Tư vấn y tế Thông tin về thời tiết và tỷ giá hối đoái 	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm
2.2 Hỗ trợ cấp cứu		20,000	30,000	50,000	70,000	100,000
2.2.a Vận chuyển y tế cấp cứu	Vận chuyển khẩn cấp Người được bảo hiểm tới cơ sở y tế gần nhất có khả năng cung cấp đầy đủ các dịch vụ y tế.	20,000	30,000	50,000	70,000	100,000
2.2.b Hồi hương	Đưa Người được bảo hiểm về Việt Nam hoặc quê hương khi PJICO và Bác sỹ của Công ty cứu trợ SOS thấy đó là cần thiết.	20,000	30,000	50,000	70,000	100,000
2.2.c Vận chuyển hài cốt và mai táng	Vận chuyển thi hài về Việt Nam hoặc Quê hương hoặc thu xếp chôn cất tại nước sở tại tùy theo yêu cầu của gia đình Người được bảo hiểm.	20,000	30,000	50,000	70,000	100,000
2.3 Bảo lãnh viện phí	Bảo lãnh hoặc thanh toán viện phí cần thiết cho bệnh viện khi tổng viện phí ước tính vượt quá 1,000 USD/EUR					
2.4 Chi phí ăn ở đi lại bổ sung	Phí bổ sung thêm cho 01 vé máy bay hạng thường để Người được bảo hiểm quay trở về nước và chi phí ăn ở phát sinh thêm cho Người được bảo hiểm và Người đi kèm cùng tham gia đơn bảo hiểm này do Người được bảo hiểm cần thiết phải điều trị thương tật hoặc ốm đau thuộc phạm vi bảo hiểm của hợp đồng.	2,000	2,500	3,500	5,000	7,000
2.5 Chi phí cho thân nhân sang thăm	01 Vé máy bay hạng thông thường và chi phí ăn ở cho một người thân trong gia đình sang thăm khi Người được bảo hiểm phải nằm viện trên 3 ngày hoặc chết ở nước ngoài.	2,000	2,500	3,500	5,000	7,000
2.6 Hồi hương trẻ em	Chi phí đi lại, ăn ở hợp lý và 01 (một) vé máy bay loại thông thường cho một người thân hay bạn bè của Người được bảo hiểm để đưa trẻ em đó về Nước xuất hành hoặc Quê hương.	2,000	2,500	3,500	5,000	7,000
3. Tai nạn cá nhân	Chết, thương tật vĩnh viễn do tai nạn					
	- Người lớn dưới 70 tuổi; - Trẻ em dưới 18 tuổi	20,000 10,000	30,000 15,000	50,000 25,000	70,000 35,000	100,000 50,000
4. Hành lý và tư trang	Mất, hỏng hành lý và tư trang do tai nạn, hành vi bạo lực (trộm cắp, cướp) hay hãng vận chuyển vận chuyển nhầm. Tối đa mỗi hạng mục là 250 USD/EUR và 500 USD/EUR một đôi hoặc bộ.	750	1,000	1,500	2,000	3,000
5. Nhận hành lý chậm	Chi phí mua vật dụng vệ sinh thiết yếu và quần áo tối đa 65 USD/EUR một mục khi hành lý bị thất lạc ít nhất 12 tiếng liên tục kể từ khi tới đích.	200	300	400	550	700
6. Mất Giấy tờ thông hành	Chi phí xin cấp lại hộ chiếu, visa, vé máy bay, chi phí đi lại và ăn ở phát sinh do các giấy tờ thông hành bị mất trộm, mất cắp, cướp và tổn thất bất ngờ. Giới hạn chi phí một ngày là 10% Giới hạn trách nhiệm của mục này.	1,500	2,000	3,000	4,000	5,000
7. Cất ngăn hay hủy bỏ chuyến đi	Bồi thường tiền đặt cọc bị mất và chi phí đi lại tăng lên do việc Người được bảo hiểm, người thân trong gia đình, đối tác kinh doanh hoặc bạn đồng hành bị chết, ốm đau thương tật	2,000	3,000	4,500	6,000	9,000

	ng nghiêm trọng, Người được bảo hiểm phải ra làm chứng, triệu tập hầu toà, hoặc cách ly kiểm dịch.					
8. Chuyển đi bị trì hoãn	Chuyển đi bị trì hoãn do thời tiết xấu, bãi công, cướp phương tiện giao thông và lỗi máy móc kỹ thuật của phương tiện giao thông, vận chuyển: Tối đa 125 USD/EUR cho 12 giờ liên tục bị trì hoãn, hoặc Tối đa 500 USD/EUR trong trường hợp phát sinh chi phí đi lại bằng các phương tiện giao thông công cộng do hậu quả trực tiếp của việc trì hoãn chuyến đi					
9. Phạm vi mở rộng	9.1 Chi phí khách sạn trong thời gian dưỡng bệnh.	500	700	1,000	1,500	2,500
	Giới hạn tối đa chi phí/ngày:	50	60	80	100	100
	9.2 Thay đổi nhân sự trong trường hợp khẩn cấp.	1,000	1,500	2,000	2,500	3,000

BIỂU PHÍ BẢO HIỂM DU LỊCH QUỐC TẾ

Đơn vị tính: USD/EUR

Chương trình <i>Số ngày/chuyến đi</i>	A 20,000			B 30,000			C 50,000			D 70,000			E 100,000		
Phạm vi lãnh thổ	Đông Nam Á	Châu Á*	Toàn cầu	Đông Nam Á	Châu Á*	Toàn cầu	Đông Nam Á	Châu Á*	Toàn cầu	Đông Nam Á	Châu Á*	Toàn cầu	Đông Nam Á	Châu Á*	Toàn cầu
Cho tới 5 ngày	5	6	7	6	7	8	7	8	9	8	10	11	11	14	15
Cho tới 8 ngày	7	8	10	8	9	11	9	10	12	10	13	14	13	17	19
Cho tới 15 ngày	11	13	15	12	14	16	14	16	19	16	19	22	22	29	35
Cho tới 24 ngày	17	19	20	18	20	22	20	24	26	23	31	34	31	42	48
Cho tới 31 ngày	22	23	25	23	25	27	25	27	31	29	36	45	36	46	57
Cho tới 45 ngày	26	27	31	29	31	35	33	36	40	40	50	58	51	65	77
Cho tới 60 ngày	30	31	37	38	39	44	41	43	50	50	64	72	65	83	97
Cho tới 90 ngày	39	40	50	50	52	61	57	58	70	69	86	100	93	119	110
Cho tới 120 ngày	47	48	62	63	64	77	73	75	90	89	110	128	120	120	141
Cho tới 150 ngày	55	56	74	75	76	93	89	89	110	110	135	156	148	154	181
Cho tới 180 ngày	63	64	86	88	88	108	105	105	130	129	158	184	176	191	221

Ghi chú:

- *Châu Á: Không gồm Nhật Bản, Úc và New Zealand
- Biểu phí gia đình: Gấp đôi biểu phí cá nhân (Biểu phí gia đình áp dụng cho gia đình gồm vợ, chồng và một người con hợp pháp)
- Người được bảo hiểm trên 70 tuổi: Phí cá nhân* 150%
- **Không nhận và không chi trả quyền lợi bảo hiểm đối với mọi rủi ro phát sinh khi xảy ra trên lãnh thổ các quốc gia bị cấm vận, bao gồm:** Afghanistan, Cuba, Democratic Republic of Congo, Iran, Iraq, Syria, Belarus, Nicaragua, North Korea, Lebanon, Liberia, Libya, Somalia, Sudan, South Sudan, Venezuela, Crimea and Zimbabwe